

Số: 21 /KH-UBND

Yên Bái, ngày 30 tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH

Tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập tỉnh Yên Bái theo chỉ tiêu xét tuyển chưa tuyển dụng được của năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (gọi tắt là Nghị định số 115/2020/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 6/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (gọi tắt là Thông tư số 6/2020/TT-BNV);

Căn cứ Kết luận số 558-KL/TU ngày 26/12/2022 của Thường trực Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 449/TTr-SNV ngày 12/10/2023.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập tỉnh Yên Bái theo chỉ tiêu xét tuyển chưa tuyển dụng được của năm 2023 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Nhằm bổ sung nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm cho những đơn vị còn thiếu người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập so với biên chế được giao và để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

2. Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào chỉ tiêu, số lượng người làm việc được giao, vị trí việc làm, nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập.

3. Người được tuyển dụng phải có trình độ chuyên môn, năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm; có phẩm chất đạo đức tốt; am hiểu chính sách pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực được tuyển dụng, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ được giao; có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để được tuyển dụng vào viên chức theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

II. CHỈ TIÊU, SỐ LƯỢNG, VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Số lượng tuyển dụng: Tổng số 467 chỉ tiêu, trong đó:

- a) Giáo viên: 426 chỉ tiêu;
- b) Nhân viên trường học: 41 chỉ tiêu.

2. Cơ cấu, vị trí việc làm tuyển dụng: Chi tiết có các phụ lục kèm theo.

III. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC

1. Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có phiếu đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm như Phụ lục 02 đính kèm;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- g) Đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

IV. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

1. Hội đồng tuyển dụng viên chức: Có 05 hoặc 07 thành viên, gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nội vụ;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo;
- c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng và các ủy viên khác là công chức thuộc bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của Sở Nội vụ và đại diện lãnh đạo của một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đã biểu quyết. Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi, Tổ in sao đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có). Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập Tổ Thư ký giúp việc;

b) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định;

c) Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, tổ chức thi, chấm thi, chấm phúc khảo theo quy chế;

d) Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định công nhận kết quả xét tuyển;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức xét tuyển;

e) Hội đồng tuyển dụng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự tuyển hoặc của bên vợ (chồng) của người dự tuyển; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự tuyển hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng tuyển dụng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng.

V. PHƯƠNG THỨC TUYỂN DỤNG: Xét tuyển

VI. NỘI DUNG XÉT TUYỂN VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Nội dung xét tuyển: Được thực hiện theo 2 vòng như sau:

1.1. Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

1.2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: Thi viết.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành phải căn cứ vào nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian thi: 180 phút (không kể thời gian chép đề hoặc phát đề).

d) Thang điểm: 100 điểm.

2. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển

a) Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức được thực hiện như sau:

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định người trúng tuyển.

c) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ thi tuyển, xét tuyển lần sau.

VII. THỜI GIAN, LỆ PHÍ TUYỂN DỤNG

1. Thời gian: Trong Quý IV năm 2023.

2. Lệ phí: Thực hiện theo Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

- Tham mưu thành lập Hội đồng tuyển dụng;
- Là cơ quan chủ trì tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức theo kế hoạch này đảm bảo theo trình tự, tiến độ và đúng quy định.
- Tham mưu thực hiện các quy trình công nhận kết quả tuyển dụng, quyết định tuyển dụng đối với người trúng tuyển theo quy định.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo và các sở, ban, ngành có liên quan

Theo chức năng nhiệm vụ, lĩnh vực ngành phụ trách, phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức tuyển dụng viên chức đảm bảo theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập tỉnh Yên Bái theo chỉ tiêu xét tuyển chưa tuyển dụng được của năm 2023; trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định. /s/

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh;
- Lưu: VT, NC (Ng, C).



CHỦ TỊCH

Trần Huy Tuấn

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng	Cơ cấu tuyển dụng																									
			Giáo viên Mầm non	Giáo viên Tiểu học						Giáo viên Trung học cơ sở; Trung học Phổ thông																		
				Tổng Tiểu học	Nhóm 1	Tin học	Ngoại ngữ	Thể dục	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tổng THCS; THPT	Ngữ văn	Toán	Ngoại ngữ	GDCD	Lịch sử	Địa lý	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Công nghệ	Tin học	GDTG	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng trung	QPAN	KTCN
III	THCS	130								130	35	22	23	1	1	2	6	2	1	7	22	3	3	2	0	0	0	0
1	Huyện Trấn Yên	1								1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Huyện Yên Bình	4								4	1	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Huyện Văn Yên	16								16	6	1	3	0	0	0	0	1	2	1	0	1	1	0	0	0	0	0
4	Huyện Trạm Tấu	39								39	7	7	8	0	0	0	2	0	0	1	11	2	0	1	0	0	0	0
5	Huyện Mù Cang Chải	54								54	19	10	7	1	1	1	4	2	0	2	6	1	0	0	0	0	0	0
6	Huyện Lục Yên	11								11	2	2	4	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0	0	0	0	0	0
7	Huyện Văn Chấn	5								5	0	1	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	1	0	0	0	0	0

STT	Đơn vị	Chỉ tiêu tuyển dụng	Cơ cấu tuyển dụng									
			Thư viện	Thiết bị, thí nghiệm	Công nghệ thông tin	Kế toán	Thủ quỹ	Văn thư	Y tế	Giáo vụ	Hỗ trợ GDKT	Nhân viên khác
III	THCS	16	2	9	0	2	0	1	2	0	0	0
1	Huyện Văn Yên	4	1	3	0	0	0	0	0	0		
2	Huyện Trạm Tấu	7	0	6	0	0	0	0	1	0		
3	Huyện Mù Cang Chải	1				1						
4	Huyện Văn Chấn	2	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0
5	Huyện Lục Yên	2	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0

PHỤ LỤC 3: SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VÀ ĐIỀU KIỆN THEO VỊ TRÍ TUYỂN DỤNG BẰNG PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

(Kèm theo Kế hoạch số: 221 /KH-UBND ngày 30 /10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Số TT	Cấp học	Số lượng tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Mã số	Trình độ	Chuyên ngành tuyển dụng
1	Mầm non	170	Giáo viên mầm non hạng III	V.07.02.26	Cao đẳng trở lên	Sư phạm Mầm non
2	Tiểu học	106	Giáo viên Tiểu học hạng III	V.07.03.29	Cử nhân trở lên	Sư phạm hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành đào tạo phù hợp với chuyên môn cần tuyển và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên tiểu học theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
3	Trung học cơ sở	130	Giáo viên THCS hạng III	V.07.04.32	Cử nhân trở lên	Sư phạm hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành đào tạo phù hợp với chuyên môn cần tuyển và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên THCS theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
4	THPT	20	Giáo viên THPT hạng III	V.07.05.15	Cử nhân trở lên	Sư phạm hoặc có bằng cử nhân chuyên ngành đào tạo phù hợp với chuyên môn cần tuyển và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên THPT theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành
5	Các cấp học	4	Thư viện viên hạng IV	V.10.02.07	Trung cấp trở lên	Thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp
6		13	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	V.07.07.20	Cao đẳng trở lên	Công nghệ thiết bị trường học (hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng các chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm)
7		3	Công nghệ Thông tin	V.05.02.07	Đại học trở lên	Công nghệ thông tin; Kỹ sư tin học; Khoa học máy tính; Truyền thông và mạng máy tính; Kỹ thuật phần mềm, hệ thống thông tin; Công nghệ phần mềm; Hệ thống thông tin quản lý;
8		14	Kế toán viên	06.031	Đại học trở lên	Kế toán, kiểm toán, tài chính
9		2	Văn thư trung cấp	02.008	Trung cấp trở lên	Văn thư lưu trữ, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư
10		5	Y sĩ (hạng IV)	V.08.03.07	Trung cấp	Y sĩ
	Tổng số	467	Chỉ tiêu xét tuyển			